

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG
(Đính kèm)

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 14 ngày kể từ khi nhận được văn bản của nhà thầu về việc đề nghị hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng (sau khi công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng và bàn giao cho Chủ đầu tư), đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định (căn cứ theo thời gian ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng; Biên bản bàn giao hạng mục công trình, công trình xây dựng). Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: a) Từ chối thực hiện Hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; c) Thực hiện hợp đồng chậm trễ do lỗi của Nhà thầu nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng. d) Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; e) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu toàn bộ giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
E-ĐKC 19.1	Yêu cầu về bảo hiểm: 1. Nhà thầu phải mua bảo hiểm công trình theo quy định hiện hành tại một Công ty bảo hiểm hoạt động hợp pháp ở Việt Nam, bao gồm: Nhà thầu thay mặt Chủ đầu tư mua bảo hiểm công trình xây dựng cùng với vật tư thiết bị do Chủ đầu tư cấp của công trình $= k\% \times (gXD + gTB) = 0,200\% \times (11.770.963.084 + 1.849.018.773) VNĐ$ (trước thuế). Phạm vi bảo hiểm theo quy định tại Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 của Chính phủ. Thời hạn bảo hiểm: kể từ ngày khởi công công trình đến ngày hoàn thành bàn giao công trình đưa vào sử dụng theo quy định, giá trị bảo hiểm đã được tính trong giá gói thầu. Trong hợp đồng bảo hiểm rủi ro xây dựng, lắp đặt cho dự án, phải ghi rõ đơn vị thụ hưởng là Chủ đầu tư. Nhà thầu phải có trách nhiệm phối hợp cùng với Chủ đầu tư thực hiện tốt các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp xảy ra tổn thất, Nhà thầu phải báo cáo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư đồng thời liên hệ trực tiếp với đơn vị bảo hiểm để làm các thủ tục yêu cầu bảo hiểm

	theo như các quy định trong hợp đồng bảo hiểm, cụ thể như sau: - Lập tức thông báo cho Công ty bảo hiểm bằng điện thoại hay điện tín cũng như bằng văn bản, nêu rõ tính chất và mức độ tổn thất. - Thực hiện mọi biện pháp phù hợp với khả năng của mình để hạn chế tổn thất ở mức thấp. - Bảo quản các bộ phận bị tổn thất và sẵn sàng để cho đại diện hay giám định viên của công ty bảo hiểm giám định các bộ phận đó. Cung cấp mọi thông tin và chứng từ, văn bản theo yêu cầu của Công ty bảo hiểm. - Thông báo cho cơ quan công an trong trường hợp tổn thất do trộm cắp. - Nhà thầu phải tự gánh chịu chi phí khắc phục tổn thất trong các trường hợp tổn thất sau: + Chi phí khắc phục tổn thất nhỏ hơn mức miễn bồi thường của hợp đồng bảo hiểm. + Chi phí khắc phục tổn thất vượt quá hạn mức trách nhiệm bồi thường của hợp đồng bảo hiểm. + Nhà thầu bảo hiểm từ chối không bảo hiểm các tổn thất do lỗi của Nhà thầu như: không kịp thời khai báo tổn thất, không hợp tác với nhà thầu bảo hiểm để điều tra tổn thất, không áp dụng những biện pháp ngăn ngừa tổn thất... như quy định trong hợp đồng bảo hiểm. - Mọi thay đổi điều khoản bảo hiểm sẽ không được phép nếu không có sự đồng ý của Chủ đầu tư bằng văn bản trừ khi được qui định trong điều khoản riêng của Hợp đồng hoặc Phụ lục hợp đồng được hai bên cùng nhất trí ký kết. 2. Nhà thầu phải có nghĩa vụ mua bảo hiểm bằng tiền của Nhà thầu đối với phạm vi bảo hiểm bao gồm: - Vật tư, thiết bị, xe máy thi công của Nhà thầu phục vụ cho thi công, vật tư thiết bị do Nhà thầu cung cấp cho đến khi được xây lắp đưa vào kết cấu công trình. - Bảo hiểm tai nạn đối với người lao động. - Bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ 3. 3. Trước khi thi công, Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các chứng nhận bảo hiểm nêu trên kèm theo bản sao hoá đơn mua bảo hiểm theo Hợp đồng này cho Chủ đầu tư.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 42.1	- Tạm ứng: + Số tiền tạm ứng: Sau khi hợp đồng có hiệu lực, nếu Nhà thầu có yêu cầu tạm ứng, Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu 20% giá trị hợp đồng (không bao gồm thuế GTGT).

	+ Trong vòng 15 ngày sau khi nhà thầu nhận được tạm ứng, nhà thầu phải cung cấp các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan (như hợp đồng khai thác VTTB, huy động nhân lực, thiết bị, ...v.v.) chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng cho việc trả lương cho người lao động, mua hoặc huy động thiết bị, nhà xưởng, vật tư và các chi phí huy động cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng. + Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. + Bảo lãnh tạm ứng phải có hiệu lực đến khi công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng và bàn giao cho Chủ đầu tư, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định (căn cứ theo thời gian ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng; Biên bản bàn giao hạng mục công trình, công trình xây dựng) hoặc đến khi Chủ đầu tư có văn bản gửi nhà thầu về việc đã thu hồi hết tạm ứng theo quy định của hợp đồng, tùy điều kiện nào đến trước. + Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc Nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. + Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định. + Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh. + Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng. + Hoàn trả tiền tạm ứng: Số tiền tạm ứng này sẽ được chủ đầu tư thu hồi toàn bộ ngay từ lần thanh toán đầu tiên. + Trường hợp tiền tạm ứng vẫn chưa được hoàn trả trước khi ký biên bản nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng và trước khi chấm dứt hợp đồng (tùy theo từng trường hợp), khi đó toàn bộ số tiền tạm ứng chưa thu hồi được này sẽ là nợ đến hạn và Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Chủ đầu tư. - Phương thức tạm ứng: Chuyển khoản. - Thời gian tạm ứng: Trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày Chủ đầu
--	--

	tư nhận được đầy đủ hồ sơ tạm ứng hợp lệ của Nhà thầu, bao gồm: (i) Thông báo khởi công của chủ đầu tư; (ii) Giấy yêu cầu tạm ứng; (iii) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (01 bản gốc + 02 bản sao y bản chính, do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành); (iv) Hồ sơ chứng minh Nhà thầu đã thực hiện mua các loại bảo hiểm cần thiết (bảo hiểm công trình, bảo hiểm đối với người lao động thi công trên công trường, bảo hiểm thiết bị, bảo hiểm đối với bên thứ ba) để bảo đảm cho hoạt động của mình theo quy định của pháp luật; (v) Hợp đồng và giấy chứng nhận/Chứng thư bảo hiểm cho công trình (bản chính), kèm theo bản sao hóa đơn hoặc chứng từ đã thanh toán chi phí bảo hiểm công trình (phần bảo hiểm của chủ đầu tư giao cho nhà thầu mua); (vi) Bảo lãnh tiền tạm ứng theo mẫu quy định (01 bản gốc + 02 bản sao y bản chính, do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành).
E-ĐKC 44.1	Phương thức thanh toán: 1. Số lần và giá trị thanh toán: a) Thanh toán giai đoạn: - Thanh toán giai đoạn: Khi nhà thầu hoàn thành khối lượng $\geq 50\%$ giá trị hợp đồng và nhà thầu có yêu cầu thanh toán giai đoạn, Chủ đầu tư sẽ xem xét thanh toán theo khối lượng xây lắp thực tế của từng giai đoạn hoàn thành được các bên nghiệm thu nhưng tối đa tổng các lần thanh toán giai đoạn không quá 80% giá trị hợp đồng (bao gồm cả phần tạm ứng). - Giá trị thanh toán giai đoạn là 95% giá trị khối lượng thanh toán giai đoạn trước thuế và 100% thuế GTGT (có trừ tạm ứng) sau khi Nhà thầu nộp đầy đủ các hồ sơ sau: Đối với phần xây lắp: (i) Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật (theo đúng biểu mẫu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính Phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan) kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát; trong đó có cột khối lượng tăng hoặc giảm so với hợp đồng. (ii) Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Bên giao thầu hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Bên nhận thầu. (iii) Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán (Bảng thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành) được tính trên cơ sở: khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có), giá trị thu hồi tạm ứng, giá trị đề nghị

	thanh toán. (iv) Văn bản yêu cầu thanh toán. (v) Hoá đơn hợp pháp theo quy định của Bộ Tài Chính (vi) Các hồ sơ chất lượng kèm theo. (vii) Biên bản kiểm tra xác nhận khối lượng VTTB thu hồi tại hiện trường trước khi tháo dỡ (giai đoạn), Biên bản kiểm tra xác nhận khối lượng VTTB thu hồi tại hiện trường sau khi tháo dỡ (giai đoạn), Biên bản bàn giao VTTB thu hồi (giai đoạn). Đối với phần VTTB B cấp: Các hồ sơ chất lượng kèm theo: (i) Bảng kê đóng gói; (ii) Bản sao y có công chứng Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do phòng Thương Mại nước sản xuất ban hành của hàng ngoại nhập nêu trong bảng giá của hợp đồng trong đó có ghi rõ danh mục thiết bị, tên nhà sản xuất. (iii) Biên bản thử nghiệm xuất xưởng do nhà sản xuất ban hành có trong đó có ghi rõ tên hàng hóa, mã hiệu hàng hóa [Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có mã hiệu] và số serial [Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có số serial] của thiết bị; (iv) Chứng nhận số lượng và chất lượng của nhà sản xuất; (v) Kết quả kiểm tra chất lượng (thử nghiệm mẫu) do một đơn vị thử nghiệm độc lập ban hành theo các chỉ tiêu thử nghiệm được mô tả trong phần đặc tính kỹ thuật của HSMT (áp dụng đối với các vật tư thiết bị có lấy mẫu thử nghiệm). Mẫu thử nghiệm nghiệm thu sẽ được ưu tiên lấy tại kho Bên mua hoặc tại kho Nhà thầuán trước sự chứng kiến của Bên mua trong trường hợp việc lấy mẫu tại kho Bên mua khó có thể thực hiện (nếu có); (vi) Bản sao hồ sơ gốc (CO, CQ, test đối với vật tư nhập khẩu). (vii) Biên bản chứng kiến thử nghiệm tại nhà máy của Nhà thầu bán với các chỉ tiêu thử nghiệm được mô tả trong phần đặc tính kỹ thuật của Hợp đồng (nếu có). (viii) Biên bản nghiệm thu về số lượng và chất lượng của các hàng hóa giữa Bên mua và Nhà thầu bán sau khi thiết bị được lắp đặt tại công trường. (ix) Bản sao hồ sơ nguồn gốc (CO, CQ, test đối với vật tư nhập khẩu) và hồ sơ pháp lý (quyết định phê duyệt mẫu phương tiện đo, giấy chứng nhận kiểm định) của thiết bị đo đếm (CT, VT, công tơ) và biên bản cài đặt các thông số trên công tơ của đơn vị thí nghiệm kiểm định. b) Thanh toán hoàn thành Hợp đồng: Khi công trình được Chủ đầu tư nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử
--	--

	dụng; Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu đến 95% giá trị quyết toán hợp đồng trước thuế và 100% thuế GTGT (có trừ giá trị thanh toán đợt 1). Giá trị thanh toán được xác định bằng khối lượng thực tế hoàn thành (theo hợp đồng) được nghiệm thu nhân với đơn giá hợp đồng và cộng thêm phần phát sinh được chủ đầu tư phê duyệt; Giá trị phần phát sinh xác định như sau: *Đối với khối lượng phát sinh có đơn giá tương ứng trong hợp đồng thì giá trị phát sinh bằng khối lượng thực tế phát sinh nhân với đơn giá hợp đồng; *Đối với khối lượng phát sinh không có đơn giá trong hợp đồng thì giá trị phát sinh được xác định trên cơ sở các quy định hiện hành về dự toán xây dựng cơ bản. Phần phát sinh này được giao cho nhà thầu thực hiện với hình thức “chỉ định thầu” và phải được chủ đầu tư phê duyệt trước khi hai bên ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng theo quy định tại Mục 47 E-ĐKC. Tỷ lệ chiết giảm “chỉ định thầu” do hai bên tiến hành thương thảo, đảm bảo không thấp hơn tỷ lệ tiết kiệm chi phí và tỷ lệ chiết giảm “chỉ định thầu” trong đấu thầu theo các quy định hiện hành của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh; Nhà thầu nộp hồ sơ thanh toán cho chủ đầu tư bao gồm các tài liệu sau: (i) Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng; (ii) Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành công trình; (iii) Biên bản bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng; (iv) Hồ sơ hoàn công; (v) Hồ sơ quyết toán (5 bộ) do Nhà thầu lập kèm đầy đủ các phiếu xuất vật tư của Chủ đầu tư, phiếu nhập vật tư của Chủ đầu tư (trường hợp có hoàn trả vật tư của Chủ đầu tư cấp thừa sau thi công); (vi) Hóa đơn GTGT (bao gồm cả phần phát sinh được duyệt); (vii) USB chứa toàn bộ file scan hồ sơ công trình; (viii) Đề nghị thanh toán của Nhà thầu; (ix) Bảo lãnh bảo hành (01 bản gốc + 02 bản sao y bản chính) giá trị tương đương 5% giá trị hợp đồng bao gồm cả phần phát sinh được duyệt (trong trường hợp nhà thầu phát hành bảo lãnh bảo hành) và có hiệu lực 36 tháng kể từ ngày công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, trường hợp Nhà thầu chậm thực hiện Bảo lãnh thì thời hạn hiệu lực của Bảo lãnh tối thiểu 36 tháng kể từ ngày Ngân hàng phát hành. Bảo lãnh bảo hành mà Nhà thầu gửi Chủ đầu tư phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.
--	--

	(x) Phê duyệt phạt/không phạt vi phạm hợp đồng của Chủ đầu tư (nếu có); (xi) Biên bản xác nhận vật tư thừa hoàn trả sau thi công (trường hợp có vật tư thừa sau khi công); (xii) Trường hợp có vật tư thừa sau khi thi công mà Nhà thầu không hoàn trả thì chứng từ kèm theo là: Biên bản xác nhận vật tư thừa không thể thu hồi, phê duyệt giá vật tư thu hồi của Chủ đầu tư mà Nhà thầu phải bồi thường. (xiii) Biên bản kiểm tra xác nhận khối lượng VTTB thu hồi tại hiện trường trước khi tháo dỡ, Biên bản kiểm tra xác nhận khối lượng VTTB thu hồi tại hiện trường sau khi tháo dỡ, Biên bản bàn giao VTTB thu hồi. c) Thanh toán cuối cùng: Sau khi có Quyết định phê duyệt quyết toán dự án, Chủ đầu tư sẽ thanh toán khoản tiền bị giữ lại cho Nhà thầu với số tiền là: 5% khối lượng xây lắp thực tế theo giá trị quyết toán dự án trừ/cộng giá trị xây lắp chênh lệch theo số liệu phê duyệt quyết toán (nếu có). 2. Thời hạn thanh toán: Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 14 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định của Hợp đồng. 3. Đồng tiền và hình thức thanh toán: (i) Đồng tiền thanh toán: Đồng tiền Việt Nam (VND); (ii) Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Nhà thầu;
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: 1. Mức phạt về vi phạm hợp đồng: Giá hợp đồng bị vi phạm được định nghĩa là giá trị từng hạng mục công trình trong bảng giá hợp đồng/Dự toán trúng thầu đính kèm theo hợp đồng này. Trường hợp nhà thầu vi phạm sẽ bị phạt trên giá trị hạng mục tương ứng. 2. Chi tiết phạt hợp đồng: a) Nguyên tắc chung: Đối với hợp đồng có nhiều hạng mục, thì mức phạt tối đa của mỗi hạng mục bị vi phạm là 12% giá trị phần hạng mục bị vi phạm. Mức phạt lũy kế lên đến 12% chủ đầu tư sẽ xem xét chấm dứt hợp đồng. b) Về tiến độ thi công: - Giá trị phạt do chậm tiến độ được tính = tỷ lệ % x giá trị hợp đồng bị vi phạm (Nếu chậm tiến độ 01 ngày do lỗi của nhà thầu, thì bắt đầu ngày thứ 02 phạt 0,5% giá hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn).

	- Tổng số tiền phạt không vượt quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm, mức phạt đạt 12 % có thể xem xét chấm dứt hợp đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu mà không cần nhà thầu ký biên bản thống nhất xử phạt khi đã có đầy đủ các tài liệu chứng minh nhà thầu vi phạm hợp đồng. c) Về chất lượng thi công: * Các nội dung vi phạm về chất lượng công trình: - Để xảy ra lỗi không đảm bảo chất lượng trong quá trình thi công nhà thầu không tự kiểm soát mà do chủ đầu tư (hoặc tư vấn chủ đầu tư) phát hiện do hậu kiểm phải làm lại. - Có hiện tượng làm hồ sơ không đúng sự thật bị phát hiện phải làm lại. - Không đảm bảo chất lượng thi công gây sự cố trong quá trình thi công và sau khi đưa vào sử dụng. - Nhà thầu không thực hiện đúng theo thiết kế được duyệt hoặc không tuân thủ phương án thi công, phương án thi công hoặc do tự ý thay đổi thiết kế. Không bảo quản tốt vật tư Chủ đầu tư cấp và Nhà thầu cấp để xảy ra hư hỏng làm giảm chất lượng vật tư không thể sử dụng. - Các nội dung sai sót khác gồm: không ghi chép nội dung diễn biến trong sổ nhật ký thi công, không có mặt chỉ huy trưởng, các bộ kỹ thuật thi công trên công trường khi chủ đầu tư kiểm tra; không thực hiện lập nhật ký thi công điện tử trên Chương trình quản lý Đầu tư xây dựng IMIS hoặc thời gian thực hiện lập quá thời gian quy định. - Không cung cấp các kết quả thí nghiệm vật liệu, sản phẩm của công việc hoàn thành. - Không đảm bảo vật tư, thiết bị được cung cấp có nguồn gốc xuất xứ như quy định của hồ sơ hợp đồng. - Bị người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ vốn phản ánh, nhắc nhở về tình trạng thi công không đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường hoặc không khắc phục triệt để, đúng yêu cầu các phản phản ánh, khiếu nại của người dân, báo đài, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chuyên gia của nhà tài trợ; - Các vi phạm khác như: ▪ Vật tư thiết bị đưa vào lắp đặt cho công trình không đảm bảo chất lượng, không cử đúng thành phần cán bộ chủ chốt tham gia thi công công trình, không trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thi công không đảm bảo an toàn, chậm trễ lập hồ sơ chuẩn bị thi công, hồ sơ thi công, hồ sơ nghiệm thu, xác nhận khối lượng, hoàn công, quyết toán giữa các đơn vị liên quan, ...
--	--

	▪ Sử dụng các thiết bị, máy móc thi công, thiết bị đo đạc, thí nghiệm, ... chưa được kiểm định và thiết bị hết hạn sử dụng trước khi đưa vào sử dụng cho công trình. ▪ Cung cấp máy phát điện không đảm bảo chất lượng gây gián đoạn cung cấp điện trong quá trình thi công. * Giá trị phạt về chất lượng thi công: Giá trị phạt do sai sót về chất lượng thi công = tối đa 12 % x phần giá trị hợp đồng bị vi phạm. Tổng giá trị phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm, mức phạt đạt 12 % có thể xem xét chấm dứt hợp đồng. Cụ thể: - Trong trường hợp Nhà thầu vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng công trình, Nhà thầu sẽ chịu mọi kinh phí sửa chữa theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả chi phí cho các Tư vấn phục vụ công tác sửa chữa đó) và chịu phạt 1% đến 3% giá hợp đồng bị vi phạm (tùy theo mức độ vi phạm) cho mỗi lần vi phạm. Trường hợp quá 12 giờ mà Nhà thầu không sửa chữa khắc phục theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư có quyền mời đơn vị khác thực hiện công tác này và Nhà thầu phải chịu hoàn toàn chi phí khắc phục sửa chữa này. Nếu do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì Nhà thầu sẽ vẫn bị xử lý phạt về tiến độ. - Sau khi thi công xong phát sinh vật tư Chủ đầu tư cấp dư thừa nếu nguyên nhân (nguyên nhân được xác lập tại Biên bản xác nhận vật tư Chủ đầu tư cấp thừa sau thi công) là do Nhà thầu: ▪ Không thực hiện đúng theo thiết kế được duyệt hoặc do Nhà thầu không tuân thủ phương án thi công hoặc do Nhà thầu tự ý thay đổi thiết kế thì sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng, mức phạt tương ứng với tỷ lệ % tổng giá trị vật tư dư thừa trước thuế (giá trị vật tư dư thừa quy đổi theo đơn giá vật tư của dự toán được duyệt trước thuế) trên tổng giá trị vật tư tương ứng của dự toán được duyệt trước thuế nhân với tổng giá trị giá trị vật tư dư thừa trước thuế; ▪ Không bảo quản tốt vật tư Chủ đầu tư cấp để xảy ra hư hỏng làm giảm chất lượng vật tư không thể sử dụng được thì Nhà thầu phải bồi thường trên cơ sở Chủ đầu tư thẩm định và phê duyệt giá theo giá thị trường sau thuế tại thời điểm nghiệm thu đưa vào sử dụng và sẽ bị phạt vi phạm hợp đồng, mức phạt tương ứng với tỷ lệ % tổng giá trị vật tư dư thừa trước thuế (giá trị vật tư dư thừa quy đổi theo đơn giá vật tư của dự toán được
--	---

duyet trước thuế) trên tổng giá trị vật tư tương ứng của dự toán được duyệt trước thuế nhân với tổng giá trị giá trị vật tư dự thầu trước thuế

- Nhà thầu không quay phim toàn bộ các công đoạn chính yếu khi thi công bao gồm: đổ bê tông kết cấu chịu lực (sàn, tầng, cột, móng cáp, hầm,...), quá trình khuất lấp (đặt ống, cáp,..), quá trình dựng cột, kéo dây, kéo cáp ngầm, độ sâu chôn cáp, làm hộp nối cáp,.... Các đoạn phim quay được lưu trữ trong các thẻ nhớ và cung cấp cho chủ đầu tư trước ngày 28 hàng tháng để kiểm tra).

d) Về an toàn lao động, bảo vệ môi trường:

- Nhà thầu không đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường khi bị Cty Điện lực Đất Đỏ nhắc nhở, Tổng công ty ra văn bản phê bình, báo chí phản ánh, Xã, Sở GTVT, Khu QLGTĐT, các đơn vị chức năng,... phản ánh lần 1 sẽ bị cảnh cáo, nhắc nhở, tạm đình chỉ thi công;
- Giá trị phạt do sai sót về an toàn lao động, vệ sinh môi trường = tỷ lệ % * giá trị hợp đồng bị vi phạm (lần đầu tỷ lệ phạt là 2%, lần thứ hai trở đi cứ mỗi lần vi phạm sẽ phạt 4%, tối đa 12%). **Tổng giá trị phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm, mức phạt đạt 12% có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.**

e) Về chuẩn bị hồ sơ:

- Nếu nhà thầu chậm trễ trong nộp hồ sơ chuẩn bị thi công: nếu chậm 01 ngày do lỗi của nhà thầu, thì bắt đầu ngày thứ 02 phạt 0,5% giá trị hợp đồng cho mỗi 02 ngày chậm.
- Trường hợp phải hiệu chỉnh hồ sơ do sai sót, sau 3 ngày nếu Nhà thầu chưa chuyển hồ sơ hiệu chỉnh theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì sẽ phạt thêm 0,2% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm.
- Trường hợp nhà thầu không chuẩn bị hồ sơ và hợp không đúng thành phần, sẽ bị xử phạt như sau:

Nội dung	Lần 1	Lần 2	Lần 3	≥ Lần 4
Không chuẩn bị đủ hồ sơ trước khi hợp	Nhắc nhở, cảnh cáo	Phạt 0,2% giá trị hợp đồng	Phạt 0,5% giá trị hợp đồng	Phạt 2% giá trị hợp đồng và xem xét chấm dứt hợp đồng
Không tham dự hợp hoặc hợp không đúng thành phần	Nhắc nhở, cảnh cáo	Phạt 0,2% giá trị hợp đồng	Phạt 0,5% giá trị hợp đồng	Phạt 2% giá trị hợp đồng và xem xét chấm dứt hợp đồng

	f) Về hồ sơ nghiệm thu: Sau 03 ngày kể từ ngày thi công hoàn tất công trình và Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng đã được ký đầy đủ các bên liên quan, nếu Nhà thầu không chuyển hồ sơ nghiệm thu cho Chủ đầu tư thì bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm. Trường hợp phải hiệu chỉnh hồ sơ do sai sót, sau 3 ngày nếu Nhà thầu chưa chuyển hồ sơ hiệu chỉnh theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì sẽ phạt thêm 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm. g) Phạt về nghĩa vụ quyết toán: - Trong vòng 02 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình và đưa vào sử dụng, nhà thầu phải hoàn tất công tác hoàn nhập, thu hồi vật tư thiết bị nếu có. Trong 03 ngày tiếp theo, nhà thầu hoàn tất hồ sơ quyết toán. Nếu sau 05 ngày kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu mà Nhà thầu chưa hoàn tất quyết toán thì nhà thầu phải chịu phạt 3% giá trị hợp đồng. - Trường hợp Nhà thầu không thực hiện quyết toán hợp đồng theo quy định, Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu Nhà thầu thực hiện quyết toán hợp đồng hoặc bổ sung hoàn thiện hồ sơ, tài liệu quyết toán hợp đồng kèm theo thời hạn thực hiện. Sau khi Chủ đầu tư đã gửi văn bản lần thứ 03 đến Nhà thầu nhưng Nhà thầu vẫn không thực hiện các nội dung theo yêu cầu, Chủ đầu tư được căn cứ những hồ sơ thực tế đã thực hiện của hợp đồng để lập hồ sơ quyết toán (không cần bao gồm quyết toán A-B), xác định giá trị đề nghị quyết toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nhà thầu chịu hoàn toàn các tổn thất, thiệt hại (nếu có) và có trách nhiệm chấp hành quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền. h) Đối với công tác đào đường gây sự cố cáp ngầm: - Gây sự cố cáp ngầm 01 lần phạt đơn vị thi công 1% giá trị hợp đồng. - Gây sự cố cáp ngầm 02 lần phạt đơn vị thi công 2% giá trị hợp đồng, đồng thời Chủ đầu tư xem xét chấm dứt hợp đồng và Chủ đầu tư sẽ xem xét không chấp nhận Nhà thầu tham gia đấu thầu các công trình tiếp theo. - Ngoài mức phạt hợp đồng nêu trên, các đơn vị thi công phải bồi thường chi phí khắc phục sự cố và chi phí sản lượng điện không phân phối được theo quy định, đồng thời bồi thường toàn bộ chi phí thiệt hại trong trường hợp khách hàng khiếu nại. i) Đối với công tác báo cáo: Không lập biên bản hiện trường (nếu có) hàng ngày, không báo cáo khối lượng thi công, tình hình thi công đúng hạn, không đề xuất giải pháp để thực hiện hợp đồng đúng tiến độ, không báo cáo chủ đầu tư về xử lý tình huống thi công tại hiện trường (kiến nghị chủ đầu tư về hiệu chỉnh thiết kế ...): Phạt 0,5% giá trị hợp đồng cho mỗi lần vi phạm. j) Yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng:
--	--

	- Nếu Nhà thầu không thực hiện toàn bộ hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng (hoặc yêu cầu ngân hàng thanh toán chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng) và nhà thầu phải chịu bồi thường thêm 2% giá trị hợp đồng. - Thời gian nộp phạt hoặc bồi thường: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu nhà thầu đóng tiền phạt hoặc bồi thường, nhà thầu phải nộp số tiền phạt hoặc bồi thường mà Chủ đầu tư đưa ra hoặc Chủ đầu tư sẽ căn trừ vào giá trị thanh toán hợp đồng cho nhà thầu. - Nhà thầu không tham gia dự hợp theo thư mời hợp của Chủ đầu tư phạt 0,1% giá trị hợp đồng vi phạm/ 01 lần hợp. - Nhà thầu không cung cấp biên bản thử nghiệm thường xuyên,... VTTB B cấp trước khi lắp đặt, không cung cấp biên bản thử nghiệm nghiệm thu các VTTB lấy mẫu thí nghiệm tại hiện trường theo thời gian quy định tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật: Phạt 2% giá trị hợp đồng cho mỗi lần vi phạm. - Nhà thầu thi công không đăng ký phiếu công tác: Phạt 1% giá trị hợp đồng cho mỗi lần vi phạm. - Nhà thầu không ghi nhật ký thi công: Phạt 2% giá trị hợp đồng cho mỗi lần vi phạm. - Nhân sự tại công trường của nhà thầu không đúng theo phiếu công tác, danh sách đăng ký đã được Chủ đầu tư phê duyệt: Phạt 2% giá trị hợp đồng cho mỗi lần vi phạm - Nhà thầu chậm trễ trong việc xin giấy phép đào và tái lập theo qui định phạt 1% giá trị hợp đồng cho mỗi lần vi phạm. - Nhà thầu không trả lại hiện trường đúng giờ theo phiếu công tác phạt 5% giá trị hợp đồng cho mỗi lần vi phạm. - Nhà thầu chậm chuyển trả phiếu xuất nhập kho theo thời gian qui định trên phiếu xuất nhập: Phạt 1% giá trị hợp đồng cho mỗi lần vi phạm (giá trị ghi trên phiếu xuất nhập kho). - Nhà thầu chậm trễ trong việc cung cấp hồ sơ pháp lý liên quan đến việc đóng điện quá 3 ngày phạt 1% giá trị hợp đồng vi phạm. - Nhà thầu cung cấp máy phát điện không đảm bảo chất lượng gây gián đoạn cung cấp điện trong quá trình thi công và phải tạm dừng công tác để trả điện bị phạt 3% giá trị hợp đồng bị vi phạm; trường hợp máy phát điện đang vận hành nhưng bị dừng do chất lượng máy phát và khởi động lại để tiếp tục công tác thì bị phạt 1% (phạt trên giá trị của máy phát điện theo hợp đồng). - Nhà thầu không cung cấp hoặc cung cấp thiếu các hình ảnh, video clip các công đoạn khuất lấp chính yếu khi thi công bao gồm: đổ bê tông kết cấu chịu lực (sàn, tầng, cột, mương cáp, hầm,...), quá trình khuất lấp (đặt ống, cáp,...), quá trình dựng cột, kéo dây, kéo cáp ngầm, độ sâu chôn cáp, làm hộp nối cáp,...vào ngày thứ 28 hàng
--	--

	tháng thì bị phạt 2% giá trị hợp đồng vi phạm. k) Đối với công tác hoàn trả vật tư hoàn nhập và thu hồi: - Hoàn trả vật tư hoàn nhập về kho của Điện lực Đất Đỏ trong vòng 5 ngày kể từ ngày thi công hoàn tất. VTTB thu hồi nhập về kho của Điện lực Đất Đỏ trong vòng 5 ngày kể từ ngày thu hồi VTTB tại hiện trường. Sau 05 ngày kể từ ngày nhà thầu thi công báo cáo hoàn tất, nhà thầu không trả vật tư thiết bị cho chủ đầu tư thì phạt 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm. - Đối với những vật tư nào không hoàn trả được sẽ bồi thường bằng tiền và đơn giá bồi thường được tính theo giá của đơn giá Phiếu xuất kho Chủ đầu tư hoặc giá thị trường tại thời điểm hoàn trả vật tư hoàn nhập và thu hồi. - Trong trường hợp Đơn vị quản lý hạ tầng ngưng cấp phép xây dựng do Nhà thầu không đóng phạt đúng thời hạn, Chủ đầu tư sẽ tự đóng phạt thay Nhà thầu và giá trị phạt này sẽ được khấu trừ vào các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu đồng thời Nhà thầu sẽ bị phạt thêm 0,5% giá trị hợp đồng.
E-ĐKC 49.3	Thưởng hợp đồng: áp dụng. Chỉ áp dụng thưởng khi đáp ứng đủ các điều kiện: - Không điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng do lỗi của nhà thầu; đảm bảo chất lượng công việc theo nội dung hợp đồng đã ký. - Tiến độ, khối lượng thực tế vượt tiến độ, khối lượng quy định trong hợp đồng từ 1/4 thời gian trở lên hoặc có giải pháp thiết kế, thi công đem lại lợi ích kinh tế (tính được bằng tiền có giá trị từ 1/4 giá trị hợp đồng) cho bên giao thầu. Mức thưởng: theo Quyết định số 1536/QĐ-EVN ngày 23/10/2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành “Quy định Thi đua – Khen thưởng và xét tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển Điện lực Việt Nam của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam”; Quyết định số 5960/QĐ-EVNHCNM ngày 13/11/2020 của Tổng công ty Điện lực TPHCM về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Quy định Thi đua - Khen thưởng trong Tổng công ty Điện lực TPHCM, Quyết định số 117/QĐ-HĐTV ngày 27/10/2020 của Hội đồng thành viên Tổng công ty về việc ban hành Quy định quản lý, phân phối và sử dụng các quỹ áp dụng trong Tổng công ty Điện lực TPHCM để thực hiện và Quyết định số 3834/QĐ-EVNHCNM ngày 30/09/2021 của Tổng công ty Điện lực TPHCM về việc Ban hành hướng dẫn thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại đối với hợp đồng xây dựng.